TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **192/**2026/DS-ST
Ngày: 13/7/2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Minh

Bà Âu Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phương Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2026/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:
Bà Võ Thị TR, sinh ngày 05/11/1978;
Số căn cước công dân: 080180177411;
HKTT: ấp X, xã N, tỉnh T;
Nơi ở hiện nay: ấp 3, xã M, tỉnh Đ.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy TR, sinh ngày 15/10/1987 (văn bản ủy quyền số công chứng 883/2026/CCGD ngày 04 tháng 3 năm 2026);
Địa chỉ: ấp M, xã H, tỉnh Đ.

Bị đơn:
1. Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/6/1978;
Số căn cước công dân: 037178011318;
HKTT: ấp N, xã C, tỉnh Đ.
Nơi ở hiện nay: ấp 3, xã M, tỉnh Đ.
2. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 01/01/1960;
Số căn cước công dân: 082060006279;

Địa chỉ: ấp 3, xã M, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2026, đơn xin sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị TR có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Duy TR trình bày:

Bà Võ Thị TR và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hữu Đ do có mối quan hệ hàng xóm nên bà TR có cho ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H vay nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 10/9/2024 dương lịch: vay số tiền 50.000.000 đồng,

- Ngày 15/10/2024 dương lịch: vay số tiền 10.000.000 đồng,

- Ngày 21/11/2024 dương lịch: vay số tiền 30.000.000 đồng,

- Ngày 11/12/2024 dương lịch: vay số tiền 10.000.000 đồng,

Thời hạn trả khoảng tháng 12/2024 khi bà H ông Đ bán heo khoảng tháng 12/2024, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, mục đích chi tiêu trong gia đình và trả tiền điều trị bệnh cho ông Đ; bà H có ký tên vào biên nhận đề ngày 10/9/2024, 15/10/2024, 21/11/2024, 11/12/2024 dương lịch, thời điểm vay tiền là tại nhà của bà TR.

Tổng cộng số tiền bà H, ông Đ vay của bà TR là 100.000.000 đồng.

Từ khi đến nay thì bà H ông Đ vẫn chưa trả cho bà TR số tiền vốn và lãi nào. Khi đến hạn trả tiền thì bà H và ông Đ cũng không hoàn trả số tiền vốn vay lại cho bà TR. Bà TR đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông Đ hoàn trả lại tiền vốn vay nhưng bị đơn không trả và kéo dài cho đến nay.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu Đ liên đới trả cho bà Võ Thị TR:

- Tiền vốn vay: 100.000.000 đồng:

- Tiền lãi của số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, tạm tính thời gian từ ngày 10/9/2024 đến 10/7/2026 với mức lãi suất là 1,66 %/tháng với số tiền lãi là: 50.000.000 đồng x 22 tháng x 1,66%/tháng = 18.260.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, tạm tính thời gian từ ngày 15/10/2024 đến 15/6/2026 với mức lãi suất là 1,66 %/tháng với số tiền lãi là: 10.000.000 đồng x 20 tháng x 1,66%/tháng = 3.320.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền vốn vay 30.000.000 đồng, tạm tính thời gian từ ngày 21/11/2024 đến 21/6/2026 với mức lãi suất là 1,66 %/tháng với số tiền lãi là: 30.000.000 đồng x 19 tháng x 1,66%/tháng = 9.462.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, tạm tính thời gian từ ngày 11/12/2024 đến 11/7/2026 với mức lãi suất là 1,66 %/tháng với số tiền lãi là: 10.000.000 đồng x 19 tháng x 1,66%/tháng = 3.154.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là: 134.196.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Trước đây bà có hỏi vay của bà Võ Thị TR nhiều lần tiền, bà không nhớ cụ thể thời gian vay tiền bắt đầu từ khi nào, nhưng bà TR có ghi vào biên nhận, mỗi lần vay với số tiền là 10.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để chi xài phục vụ sinh hoạt trong gia đình, tổng cộng số tiền đã vay của nguyên đơn bà TR là 50.000.000 đồng, những lần vay tiền thì hai bên có viết biên nhận của từng lần vay, biên nhận nội dung do con gái của bà TR viết, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn trả hai bên không thỏa thuận thời gian trả lại vốn vay, nếu trường hợp đến tháng bà không trả lãi thì sẽ kê lên lãi cộng vốn tính tiếp lãi.

Các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì toàn bộ các chữ ký và chữ viết ở phía dưới "người nhận" đúng là chữ ký và chữ viết của bà. Những lần ký tên vào các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 thì do bà tự nguyện ký không có ai ép bà ký tên. Khi ký tên vào các biên nhận thì bà có đọc lại nội dung của các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 10/9/2024 (DL); số tiền 10.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 15/10/2024; số tiền 30.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 21/11/2024; số tiền 10.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 11/12/2024 thì bà thống nhất là có nợ nguyên đơn, nhưng trong số tiền nêu trên là gồm tiền vốn cộng với tiền lãi, nhưng bà không xác định được số tiền vốn và lãi cụ thể là bao nhiêu.

Trong quá trình vay tiền thì bà có nhiều lần trả lãi cho nguyên đơn, mỗi lần trả cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, cũng không nhớ rõ thời gian trả lãi, bà chỉ nhớ số tiền lãi bà trả khoảng 50.000.000 đồng, lúc trả lãi thì bà cũng không có lập biên bản giao nhận tiền lãi. Đến khoảng tháng 8/2025 dương lịch bà có trả cho bà TR số tiền 20.000.000 đồng, tại nhà của bà, lúc đó chỉ có bà, bà TR và ông Đ ở đó thôi và một lần trả số tiền 17.000.000 đồng; khi trả thì cũng không lập biên bản giao nhận tiền, số tiền 20.000.000 đồng cũng không có nói là trả tiền vốn hay tiền lãi.

Bà không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày ở trên của bà. Việc vay mượn tiền lúc vay thì có mặt bà TR và người con gái lớn của bà TR ở đó và trả lãi thì cũng có bà TR và người con gái lớn của bà TR ở đó.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì: bà chỉ vay của nguyên đơn số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng chứ không có vay 100.000.000 đồng, nên bà chỉ xin trả tiền vốn vay 50.000.000 đồng, còn phần 50.000.000 còn lại của 100.000.000 đồng là tiền lãi cộng vô, chứ bà không có vay 100.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả vốn 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần ba tháng trả 7.000.000

đồng, thời gian bắt đầu trả là 01/12/2026 trả cho đến khi hết số tiền 50.000.000 đồng, bà không đồng ý trả lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:*

Sự việc vay tiền giữa bà TR và bà H thì lúc đầu ông không biết, sau này bà H không đóng tiền lãi nổi nữa nên bà TR có đến nhà đòi tiền thì ông mới biết, lúc đó ông hỏi bà H vay tiền để làm gì thì bà H nói vay tiền để chi tiêu trong gia đình. Ông thống nhất lời trình bày của bà H về việc bà H chỉ vay số tiền vốn là 50.000.000 đồng, chứ không vay 100.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả số tiền bà H nợ nguyên đơn, ông thống nhất ý kiến trả nợ như bà H trình bày. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 68, 79, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự, đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu Đ liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị TR số tiền 134.196.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản". Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã M, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bản chính biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 có chữ ký của bà Nguyễn Thị H. Bị đơn cũng xác định có ký tên vào biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024. Nhưng khi đến hạn trả tiền

thì bị đơn không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn.

[2.2] Xét, lời trình bày của bị đơn bà H cho rằng số tiền 50.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 10/9/2024 (DL); số tiền 10.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 15/10/2024; số tiền 30.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 21/11/2024; số tiền 10.000.000 đồng trong biên nhận đề ngày 11/12/2024 là bao gồm tiền vốn và tiền lãi, bà chỉ vay của nguyên đơn số tiền vốn 50.000.000 đồng chứ bà không có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và trong quá trình vay tiền thì bà có nhiều lần trả lãi cho nguyên đơn với số tiền lãi tổng cộng bao nhiêu thì bà không nhớ. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung của biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 thì không có câu từ nào thể hiện số tiền trong biên nhận là gồm tiền vốn và lãi. Tại phiên tòa, ngoài lời trình bày của bị đơn thì bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là đúng và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của chị Bùi Thị Mỹ H thì chị H trình bày nội dung của biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 là do chị viết, bà TR có cho bà H vay 04 lần tiền với số tiền vay thể hiện đúng như trong các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.5] Về nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Hữu Đ: Mặc dù, trong các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 không có chữ ký của ông Đ và ông Đ cũng không thừa nhận ông có vay tiền của bà TR. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: các khoản vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông Đ; bà H thừa nhận việc vay tiền của bà H để phục vụ chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ cũng đồng ý trả số tiền nợ mà bà H đã vay của bà TR. Do đó, căn cứ theo Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định khoản vay trong vụ án là nghĩa vụ chung của vợ chồng, buộc ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Xét, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, các biên nhận đề ngày 10/9/2024, ngày 15/10/2024, ngày 21/11/2024, ngày 11/12/2024 không thể hiện lãi suất vay, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất là hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng. Do đó, có cở sở xác định giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có lãi suất. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả nợ: Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền nợ. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền còn nợ là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ

liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị TR số tiền 134.196.000 đồng (trong đó: vốn vay 100.000.000 đồng và lãi là 34.196.000 đồng).

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 134.196.000 đồng x 5% = 6.709.800 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1.Về dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị TR.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Võ Thị TR số tiền 134.196.000 (Một trăm ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng (trong đó: vốn vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và lãi là 34.196.000 (Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 6.709.800 (Sáu triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Võ Thị TR số tiền 3.164.000 (Ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007326 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 5

ZJH130726.TL.QDBA 1502

Lê Thị Kim Thoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 5

2JH130726.TL.QDBA
1502

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Thoa